

SỰ TỒN TẠI KHÁCH QUAN CỦA CÁC THÀNH PHẦN KINH TẾ Ở VIỆT NAM - TỪ QUAN ĐIỂM HỒ CHÍ MINH ĐẾN QUAN ĐIỂM CỦA ĐẢNG

PHAN THỊ THÙY TRANG*

Tóm tắt: Sự tồn tại của các thành phần kinh tế trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam là một thực tế khách quan. Từ sớm, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã thừa nhận sự tồn tại của các thành phần này. Từ Đại hội VI (1986) đến Đại hội XIII (2021), Đảng Cộng sản Việt Nam đều xác định sự tồn tại khách quan của các thành phần kinh tế trong nền kinh tế quốc dân. Bài viết trình bày quan điểm Hồ Chí Minh về các thành phần kinh tế và quan điểm của Đảng trong thời kỳ đổi mới.

Từ khoá: Kinh tế nhiều thành phần; quan điểm của Đảng; quan điểm Hồ Chí Minh; tồn tại khách quan.

Đặt vấn đề

Trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, Việt Nam có sự tồn tại đan xen của các thành phần kinh tế. Đó là một thực tế khách quan không thể phủ nhận.

Ngay từ thời kỳ lãnh đạo cuộc cách mạng giải phóng dân tộc cũng như xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc, Hồ Chí Minh luôn thừa nhận sự tồn tại khách quan của các thành phần kinh tế. Là một bộ phận trong hệ thống tư tưởng của Người, tư tưởng kinh tế nói chung và quan điểm về các thành phần kinh tế là mẫu mực của sự vận dụng sáng tạo những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin và những quy luật kinh tế khách quan vào điều kiện lịch sử cụ thể Việt Nam. Những tư tưởng đó đã làm nền tảng cho Đảng trong hoạch định đường lối, chính sách kinh tế trong từng thời kỳ, từng giai đoạn của cách mạng nhằm bảo đảm kháng chiến thắng lợi và kiến quốc thành công.

Từ Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI (1986), Đảng coi cơ cấu kinh tế nhiều thành phần là vấn đề có ý nghĩa chiến lược lâu dài,

có tính quy luật, để từ nền sản xuất nhỏ nông nghiệp, lạc hậu đi lên chủ nghĩa xã hội. Từ đó đến nay đã 35 năm, những thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử mà Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII (2021) của Đảng đã tổng kết, một lần nữa khẳng định, Đảng đã vận dụng sáng tạo quan điểm chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh vào lãnh đạo cách mạng, trong đó có vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về sự tồn tại khách quan các thành phần kinh tế trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. Quan điểm của Đảng về các thành phần kinh tế từ sau Đại hội VI chính là sự phát triển tiếp nối tư tưởng Hồ Chí Minh và là sự vận dụng sáng tạo của Đảng vào thực tiễn đất nước.

1. Quan điểm Hồ Chí Minh về sự tồn tại khách quan của các thành phần kinh tế

Hồ Chí Minh là một nhà chính trị bàn về kinh tế, tư tưởng kinh tế Hồ Chí Minh là tư tưởng kinh tế - chính trị. Trên cương vị lãnh đạo quốc gia, Hồ Chí Minh đã đưa ra những quan điểm chỉ đạo về xây dựng và phát triển kinh tế ở một nước nông nghiệp lạc hậu quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Những quan

* Cao đẳng Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh.

điểm này là một bộ phận đặc sắc của tư tưởng Hồ Chí Minh và vẫn giữ nguyên giá trị trong công cuộc đổi mới đất nước hiện nay.

Thực hiện cơ cấu kinh tế nhiều thành phần là quan điểm nhất quán của Hồ Chí Minh về kinh tế, bởi theo Người, đây là nhu cầu khách quan của việc phát triển kinh tế đất nước, là nguyện vọng của các tầng lớp nhân dân trong thời kỳ quá độ. Vì vậy, Người chủ trương phải phát triển các thành phần kinh tế và coi đây là biện pháp quan trọng làm tăng thêm tính năng động của nền kinh tế quốc dân. Xuất phát từ tư tưởng đó, ngay trong kháng chiến chống Pháp, Hồ Chí Minh đã nói rõ, ở vùng tự do còn tồn tại 6 thành phần kinh tế sau đây: 1) Kinh tế địa chủ phong kiến bóc lột địa tô, nhưng vì để thực hiện đại đoàn kết dân tộc, Đảng và Nhà nước chưa chủ trương xóa bỏ ngay các thành phần kinh tế này mà chỉ thực hiện giảm tô, giảm tức để tập hợp mọi lực lượng của dân tộc, đưa kháng chiến đến thành công; 2) Kinh tế quốc doanh có tính chất xã hội chủ nghĩa, là nền tảng của nền kinh tế dân chủ mới, dưới sự lãnh đạo thống nhất của Chính phủ nhân dân; 3) Kinh tế hợp tác xã (tiêu thụ và cung cấp) có tính chất nửa xã hội chủ nghĩa, do nhân dân giúp nhau mua bán, không để con buôn bóc lột; 4) Kinh tế cá nhân của nông dân và thợ thủ công, có tính chất cá thể, tự cấp, tự túc, còn nhiều lạc hậu; 5) Kinh tế tư bản tư nhân bóc lột công nhân, nhưng đồng thời họ cũng góp phần vào xây dựng kinh tế đất nước; 6) Kinh tế tư bản quốc gia là Nhà nước hùn vốn với tư nhân để kinh doanh và do Nhà nước lãnh đạo. Trong loại này, tư bản của tư nhân là chủ nghĩa tư bản, tư bản của Nhà nước là chủ nghĩa xã hội¹.

Sự tồn tại cùng lúc nhiều thành phần kinh tế, trong đó có cả những thành phần kinh tế còn sót lại của chế độ phong kiến (kinh tế địa chủ), hai thành phần kinh tế của chủ nghĩa tư bản và có cả sự “hỗn hợp” giữa chủ nghĩa tư bản và chủ nghĩa xã hội, đã phản ánh thực trạng của một nền kinh tế kháng chiến cả về tính chất, trình độ của lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất, trong đó có hai thành phần kinh tế bóc lột, nhất là kinh tế địa chủ, vẫn chưa thể xóa bỏ do yêu cầu của đoàn kết dân tộc, còn kinh tế tư bản tư nhân do còn rất nhỏ yếu, tuy có bóc lột nhưng trong chừng mực, Chính phủ bảo vệ quyền lợi của công nhân bằng nhiều biện pháp khác nhau. Tất cả lý do đều nhằm giải thích một mục đích là Đảng và Chính phủ cần tranh thủ tận dụng vốn, kinh nghiệm sản xuất, tổ chức quản lý của các thành phần kinh tế khác nhằm phục vụ cho cuộc kháng chiến lâu dài và đáp ứng các nhu cầu thiết yếu của nhân dân trong điều kiện các thành phần kinh tế xã hội chủ nghĩa chưa thể đáp ứng được yêu cầu này do đang trong quá trình hình thành.

Khi cuộc chiến chống thực dân Pháp đang ở thế tiến công mạnh mẽ, Hồ Chí Minh và toàn Đảng tập trung mọi lực lượng cho cuộc tiến công chiến lược Đông Xuân 1953 - 1954 giành thắng lợi. Giai đoạn này nổi lên một số vấn đề về tư tưởng, chính trị đòi hỏi cần nhận thức đúng đối với đảng viên và nhân dân, như các vấn đề chống đế quốc, phong kiến, địa chủ, giai cấp tư sản, vấn đề lực lượng, động lực cách mạng. Những vấn đề này phần nào ảnh hưởng đến nhiệm vụ phát triển kinh tế của đất nước. Đứng trước yêu cầu đó, trong tác phẩm *Thường thức chính trị* (1953), Hồ Chí Minh một lần nữa khẳng định: “Trong chế độ dân chủ mới, có năm loại kinh tế khác nhau: A- Kinh tế quốc doanh

¹ Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, tập 8, tr.266.

(thuộc chủ nghĩa xã hội, vì nó là của chung của nhân dân). B- Các hợp tác xã (nó là nửa chủ nghĩa xã hội, và sẽ tiến đến chủ nghĩa xã hội). C- Kinh tế của cá nhân, nông dân và thủ công nghệ (có thể tiến dần vào hợp tác xã, tức là nửa chủ nghĩa xã hội). D- Tư bản của tư nhân. E- Tư bản của Nhà nước (như Nhà nước hùn vốn với tư bản tư nhân để kinh doanh)². Người khẳng định: “Trong năm loại ấy, loại A là kinh tế lãnh đạo và phát triển mau hơn cả. Cho nên kinh tế ta sẽ phát triển theo hướng chủ nghĩa xã hội chứ không theo hướng chủ nghĩa tư bản”³.

Như vậy, Người vẫn khẳng định sự tồn tại bình đẳng giữa các thành phần kinh tế trong hệ thống kinh tế quốc dân. Chỉ có thành phần kinh tế địa chủ, địa tô là không còn xuất hiện do thực tiễn đất nước. Lúc đó, cuộc cải cách ruộng đất được tiến hành, ruộng đất được trả về cho người dân theo khẩu hiệu “người cày có ruộng” nên thành phần kinh tế địa chủ, địa tô không còn tồn tại là điều hợp với lẽ tự nhiên của đất nước.

Sau khi hòa bình lập lại ở miền Bắc, để chính thức hóa đường lối xây dựng chủ nghĩa xã hội, Hồ Chí Minh đã cùng Quốc hội sửa đổi Hiến pháp. Báo cáo sửa đổi Hiến pháp Hồ Chí Minh đọc trước Quốc hội đã trình bày đường lối chung tiến lên chủ nghĩa xã hội. Trong Báo cáo này, Hồ Chí Minh nói rõ: Nhà nước vẫn công nhận còn tồn tại các hình thức sở hữu chính về tư liệu sản xuất, đó là sở hữu của Nhà nước, sở hữu của hợp tác xã, sở hữu của người lao động riêng lẻ và một ít sở hữu của nhà tư bản⁴, do đó trong thực tế, vẫn còn tồn tại các thành phần kinh tế sau:

Kinh tế quốc doanh, với tư cách là nền tảng vật chất của chủ nghĩa xã hội.

Kinh tế hợp tác xã (của nông dân và thợ thủ công) được tổ chức theo nguyên tắc tự nguyện.

Kinh tế công tư hợp doanh, thực chất là kinh tế tư bản nhà nước, Nhà nước góp vốn với nhà tư bản dân chủ cùng hợp doanh, dưới sự lãnh đạo của Nhà nước, qua đó giúp nhà tư bản tiếp thu, cải tạo, hòa mình với nhân dân lao động cùng xây dựng Tổ quốc.

Kinh tế của những người lao động riêng lẻ, chưa có điều kiện gia nhập hợp tác xã.

Người nêu rõ: “Mục đích của chế độ ta là xoá bỏ các hình thức sở hữu không xã hội chủ nghĩa, làm cho nền kinh tế gồm nhiều thành phần phức tạp trở nên một nền kinh tế thuần nhất, dựa trên chế độ sở hữu toàn dân và sở hữu tập thể”⁵.

Rõ ràng, theo Hồ Chí Minh, việc thực hiện một nền kinh tế nhiều thành phần trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội là nhằm huy động sức mạnh của cả dân tộc Việt Nam, không phân biệt tầng lớp, giai cấp vào sự nghiệp xoá bỏ đói nghèo, lạc hậu vì sự ấm no và hạnh phúc của nhân dân. Đó là sự vượt lên mọi rào cản, thiên kiến để vì mục tiêu cho cả dân tộc chứ không vì mục đích riêng của giai cấp nào. Đây là một tất yếu khách quan, là sự lựa chọn quan hệ sản xuất nhằm phù hợp với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất trong thời kỳ quá độ. Đây không chỉ là một sự lựa chọn đúng đắn của Hồ Chí Minh mà còn là một bước phát triển mới, kịp thời bổ sung vào lý luận xây dựng chủ nghĩa xã hội mà chủ nghĩa Mác - Lênin đã vạch ra.

² Hồ Chí Minh (2011), *Sđd*, tập 8, tr.293-294.

³ Hồ Chí Minh (2011), *Sđd*, tập 8, tr.294.

⁴ Hồ Chí Minh (2011), *Sđd*, tập 12, tr.372.

⁵ Hồ Chí Minh (2011), *Sđd*, tập 12, tr.372.

2. Quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam về các thành phần kinh tế

Đại hội VI (1986) của Đảng được xem là một Đại hội đổi mới toàn diện: Từ đổi mới tư duy đến đổi mới tổ chức bộ máy, từ đổi mới phương thức lãnh đạo đến phong cách hoạt động; từ đổi mới kinh tế đến đổi mới chính trị, tư tưởng, văn hóa. Hơn lúc nào hết, Đảng xác định đổi mới là vấn đề có ý nghĩa sống còn đối với cách mạng Việt Nam.

Về kinh tế, Đảng “chủ trương thực hiện nhất quán chính sách kinh tế nhiều thành phần theo định hướng xã hội chủ nghĩa”⁶. Các thành phần kinh tế được Đảng chỉ rõ như sau:

Kinh tế xã hội chủ nghĩa: bao gồm khu vực quốc doanh và khu vực tập thể, cùng với bộ phận kinh tế gia đình gắn liền với thành phần kinh tế đó.

Các thành phần kinh tế khác bao gồm: kinh tế tiểu sản xuất hàng hóa (thợ thủ công, nông dân cá thể, những người buôn bán và kinh doanh dịch vụ cá thể); kinh tế tư bản tư nhân; kinh tế tư bản nhà nước dưới nhiều hình thức mà hình thức cao nhất là công tư hợp doanh; kinh tế tự nhiên, tự cấp, tự túc trong một bộ phận đồng bào dân tộc thiểu số ở Tây Nguyên và các vùng núi cao khác.

Trong các thành phần kinh tế trên thì kinh tế quốc doanh thực hiện vai trò chủ đạo trong nền kinh tế quốc dân.

Đại hội VII (1991) của Đảng cho rằng: Trong điều kiện nền kinh tế hàng hóa vận hành theo cơ chế thị trường, với quyền tự do kinh doanh được pháp luật bảo đảm, từ ba loại hình sở hữu tồn tại - sở hữu toàn dân, sở hữu tập thể và sở hữu tư nhân - sẽ hình thành nhiều thành phần kinh tế với những hình thức

tổ chức và kinh doanh đa dạng. Từ đó, xác định Việt Nam có 5 thành phần kinh tế với những nội dung và phương hướng phát triển như sau: kinh tế quốc doanh thể hiện vai trò chủ đạo và chức năng của một công cụ điều tiết vĩ mô của Nhà nước; kinh tế tập thể được chú trọng phát triển rộng rãi, đa dạng ngành nghề; kinh tế cá thể được khuyến khích phát triển, không hạn chế việc mở rộng kinh doanh; kinh tế tư bản tư nhân, được phát triển không hạn chế; kinh tế tư bản nhà nước là hình thức liên doanh (đang thử nghiệm phát triển).

Tại Đại hội VIII (1996), Đảng đã xác định các thành phần kinh tế như sau: kinh tế nhà nước (kinh tế quốc doanh là một bộ phận); kinh tế hợp tác mà nòng cốt là hợp tác xã (kinh tế tập thể); kinh tế tư bản nhà nước; kinh tế cá thể, tiểu chủ; kinh tế tư bản tư nhân, và khẳng định: các thành phần kinh tế là những bộ phận hợp thành nền kinh tế quốc dân thống nhất.

Tại Đại hội IX (2001), Đảng khẳng định: “Thực hiện nhất quán chính sách phát triển kinh tế nhiều thành phần. Các thành phần kinh tế kinh doanh theo pháp luật đều là bộ phận cấu thành quan trọng của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, cùng phát triển lâu dài, hợp tác và cạnh tranh lành mạnh; trong đó kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo, kinh tế nhà nước cùng với kinh tế tập thể ngày càng trở thành nền tảng vững chắc của nền kinh tế quốc dân”⁷. Đại hội đã xác định có 6 thành phần kinh tế như sau: kinh tế nhà nước; kinh tế tập thể; kinh tế cá thể, tiểu chủ; kinh tế tư bản tư nhân; kinh tế tư bản nhà nước; kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài.

⁶ Đảng Cộng sản Việt Nam (1987), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, tr.115.

⁷ Đảng Cộng sản Việt Nam (2001), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.95-96.

Đại hội X (2006) của Đảng xác định 5 thành phần kinh tế là: kinh tế nhà nước; kinh tế tập thể; kinh tế tư nhân (cá thể, tiểu chủ, tư bản tư nhân); kinh tế tư bản nhà nước; kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài. Trong đó, thành phần kinh tế tư nhân được Đảng nhận thức khái quát hơn so với các Đại hội trước. Đại hội khẳng định các thành phần kinh tế hoạt động theo pháp luật đều là bộ phận hợp thành quan trọng của nền kinh tế, cùng phát triển lâu dài, hợp tác và cạnh tranh lành mạnh.

Đại hội XI (2011), Đảng nhấn mạnh “phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa với nhiều hình thức sở hữu, nhiều thành phần kinh tế, hình thức tổ chức kinh doanh và hình thức phân phối”⁸. Đại hội xác định 4 thành phần kinh tế: kinh tế nhà nước, kinh tế tập thể, kinh tế tư nhân, kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài. Trong đó, kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo cùng với kinh tế tập thể ngày càng trở thành nền tảng vững chắc của nền kinh tế quốc dân; kinh tế tư nhân là một trong những động lực của nền kinh tế; kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài được khuyến khích phát triển.

Đại hội XII (2016) xác định 4 thành phần kinh tế là kinh tế nhà nước; kinh tế tập thể, kinh tế hợp tác xã; kinh tế tư nhân và kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài. Vai trò chủ đạo của kinh tế nhà nước tiếp tục được khẳng định.

Đến Đại hội XIII (2021), Đảng tiếp tục xác định 4 thành phần kinh tế: kinh tế nhà nước; kinh tế tập thể, kinh tế hợp tác; kinh tế tư nhân; kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài. Trong đó, “kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo; kinh tế tập thể, kinh tế hợp tác không ngừng được củng cố, phát triển; kinh tế tư

nhân là một động lực quan trọng; kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài được khuyến khích phát triển phù hợp với chiến lược, quy hoạch và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội”⁹.

Có thể thấy, trong thời kỳ đổi mới, Đảng Cộng sản Việt Nam luôn nhất quán quan điểm phát triển nền kinh tế nhiều thành phần theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Đây được xem là một đặc trưng của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. Lấy việc giải phóng sức sản xuất, động viên tối đa mọi nguồn lực bên trong và bên ngoài phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa, làm cho dân giàu, nước mạnh, nhân dân được ấm no, hạnh phúc là động lực chủ yếu. Lấy việc phát triển sản xuất, cải thiện đời sống nhân dân là mục tiêu đồng thời cũng là thước đo giá trị của mỗi đường lối, chính sách, biện pháp phát triển kinh tế của Đảng và Nhà nước. Đảng xác định: “Thực hiện nhất quán và lâu dài chính sách phát triển kinh tế hàng hóa nhiều thành phần vận động theo cơ chế thị trường, có sự quản lý của Nhà nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa; đó chính là nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa”¹⁰. Thực tiễn chứng tỏ rằng sự lựa chọn ấy là đúng đắn xét trên cả tầm chiến lược lâu dài, lẫn từ góc độ thực tiễn của tình hình Việt Nam. Và cũng từ thực tiễn cho thấy, quan điểm Hồ Chí Minh về các thành phần kinh tế đã được trả về đúng giá trị trở thành nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam cho hành động của Đảng trong việc hoạch định chính sách và tổ chức thực hiện trên phạm vi cả nước.

⁹ Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, tập I, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, tr.129.

¹⁰ Đảng Cộng sản Việt Nam (2001), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.86.

⁸ Đảng Cộng sản Việt Nam (2011), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb. Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, tr.73.

Kết luận

Nhìn lại chặng đường 35 năm từ khi bước vào công cuộc đổi mới cho đến nay, lý luận về chủ nghĩa xã hội và con đường quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam đang ngày càng được sáng tỏ và từng bước được hoàn thiện. Nhận thức về kinh tế thị trường và các thành phần kinh tế được Đảng phát triển, hoàn thiện, phù hợp với từng thời kỳ phát triển của đất nước. Tại Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (bổ sung, phát triển năm 2011), Đảng khẳng định vai trò và sự tồn tại khách quan của các thành phần kinh tế. Thực chất, đó là sự phát triển tiếp nối tư tưởng Hồ Chí Minh trong thời kỳ đổi mới đất

nước. Để phát huy đầy đủ tiềm năng của các thành phần kinh tế và tạo nên sức mạnh tổng hợp của toàn bộ nền kinh tế quốc dân, đòi hỏi phải có nhìn nhận khách quan về sự tồn tại của các thành phần kinh tế, về vai trò của từng thành phần kinh tế trong nền kinh tế quốc dân. Cùng với đó là giải quyết đúng đắn mối quan hệ về lợi ích của các thành phần kinh tế để tạo nên một “lực hướng tâm” cho nền kinh tế Việt Nam. Thực tế cho thấy, chỉ khi phát huy cao độ tính tích cực của các thành phần kinh tế mới tạo động lực căn bản để họ vươn lên làm giàu cho đất nước, góp phần thực hiện mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh. ■

Tài liệu tham khảo:

1. Đảng Cộng sản Việt Nam (1987), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI*, Nxb. Sự thật, Hà Nội.
2. Đảng Cộng sản Việt Nam (1996), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
3. Đảng Cộng sản Việt Nam (2001), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
4. Đảng Cộng sản Việt Nam (2011), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb. Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội.
5. Đảng Cộng sản Việt Nam (2016), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Nxb. Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội.
6. Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, tập I, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
7. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, tập: 8, 12.